

Số: 3/8 /QĐ-MNSH

Sơn Hà, ngày 2/ tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2025
của Trường Mầm non Sơn Hà**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SƠN HÀ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 1706/QĐ- UBND ngày 08/12/2025 Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025

Xét đề nghị của Kế toán Trường Mầm non Sơn Hà

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Sơn Hà (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường MN Sơn Hà, bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng kinh tế hạ tầng và đô thị
Phường Tây Hoa Lư
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Mai Thị Xuân Nga

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường MN Sơn Hà

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số QĐ-MNSH ngày .../12/2025 của Hiệu trưởng Trường MN Sơn Hà)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Nghìn Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
	Học phí	
2	Phí	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
I	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	60% Học phí chi hoạt động chuyên môn	
	40% Học phí chi cải cách tiền lương	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	166.185,7
I	Nguồn ngân sách trong nước	166.185,7
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	166.185,7
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	88.820
a	Các khoản có tính chất tiền lương	88.820
	Lương theo ngạch bậc, phụ cấp lương, các khoản đóng góp	88.820
b	Các khoản không có tính chất tiền lương	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	77.365,7
a	Các khoản có tính chất tiền lương	
	Lương theo ngạch bậc, phụ cấp lương, các khoản đóng góp	



TT	Nội dung	Dự toán được giao
b	Các khoản không có tính chất tiền lương	77.365,7
	Bổ sung phần mềm (nguồn 12)	32.368,2
	Hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP (nguồn 12)	6.400
	Chế độ chính sách MGHP, HTCPTH học kì II năm 2024-2025 (nguồn 12)	38.597,5
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

